TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG ----------*----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **149/2018**/HNGĐ-ST
Ngày: 18/5/2018
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thúy An**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Năm.

2. Ông Nguyễn Văn Tâm.

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Nguyễn Duy Hải** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:* **Ông Nguyễn Quốc Nam -** Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 410/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2017 về việc "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Lê Thị T,** sinh năm 19xx (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện G, tỉnh T.

- Bị đơn: **Hồ Nhựt M,** sinh năm 19xx (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Tại Đơn xin ly hôn ngày 28/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị T trình bày:* Chị và anh M tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 22/9/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Ân. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2011, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và đã chung sống với người này, không quan T đến gia đình. Vợ chồng ly thân từ năm 2011 đến nay, không gặp nhau để trao đổi hàn gắn tình cảm. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Hồ Thị H, sinh ngày xx/xx/xxxx và Hồ Tr, sinh ngày xx/xx/xxxx. Ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Hồ Nhựt M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh M đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

* Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Và về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, chị T được ly hôn với anh M. Về con chung: Vợ chồng chị T có 02 con chung tên Hồ Thị H, sinh ngày xx/xx/xxxx và Hồ Tr, sinh ngày xx/xx/xxxx. Về cấp dưỡng: chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh M trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã B cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 98, ngày 22/9/2003 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp cần được xem xét giải quyết theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tố tụng: Anh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt anh M. Ngày 27/3/2018, chị T có Đơn xin vắng mặt do đi làm xa, xin nghỉ rất khó khăn. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt chị T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh M. Nhận thấy, mâu thuẫn của vợ chồng chị là do anh M có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và chung sống với người này, không quan tâm đến gia đình. Và vợ chồng chị T đã ly thân từ năm 2011 đến nay, không gặp nhau để trao đổi hàn gắn tình cảm. Hiện nay, chị T cũng không còn tình cảm với anh M. Hơn nữa, từ khi chị T xin ly hôn, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh M không đến Tòa để trình bày ý kiến, chứng tỏ anh M muốn bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình, không còn thiết tha hàn gắn tình cảm. Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Vợ chồng chị T và anh M có 02 con chung tên Hồ Thị H, sinh ngày xx/xx/xxxx và Hồ Tr, sinh ngày xx/xx/xxxx. Chị T yêu cầu được quyền nuôi cháu H và Tr. Xét thấy, từ năm 2011 đến nay, cháu H và Tr sống với ông bà nội và chị T, anh M không về thăm con. Theo nguyện vọng của cháu H và Tr (bút lục 23, 24), hai cháu muốn được sống với chị T. Và tại Biên bản xác M của Trưởng ấp C, xã B (bút lục 26) xác nhận chị T làm công nhân và có điều kiện để nuôi 02 con chung. Đồng thời từ năm 2011 đến nay, hai cháu vẫn được chị T chăm sóc chu đáo và đảm bảo cho sự phát triển của hai cháu. Do đó, yêu cầu của chị T là có cơ sở, phù hợp với

khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, giao cháu H và Tr cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T.

+ Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Hồ Nhựt M.

- Về con chung:

+ Giao chị T trực tiếp nuôi hai con chung tên Hồ Thị H, sinh ngày xx/xx/xxxx và Hồ Tr, sinh ngày xx/xx/xxxx.

+ Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 45352 ngày 01/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông. Như vậy, chị T đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ, các đương sự được quyền kháng cáo bản án đến Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang để xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện GCĐ;
- Chi cục THADS huyện GCĐ;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy An